TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST Ngày 22 – 12 – 2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Danh Thị H**, sinh năm 1984. Căn cước công dân số: 094184005623, cấp ngày 28-8-2022. Địa chỉ: Ấp X, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Luật sư **Lê Thị N**, là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

2. Luật sư **Lâm Thị Hằng N1**, là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1978. Căn cước công dân số: 094078011781, cấp ngày 30-6-2022. Địa chỉ: Ấp X, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Danh Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Danh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn vào ngày 01-7-2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T,

tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu, cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vả do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01-6-2002; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 05-8-2007; cháu Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01-6-2014. Hiện nay, cháu H2 đã trưởng thành, có cuộc sống gia đình riêng; cháu H3 và cháu H4 đang sống chung với bà H.

Theo đơn khởi kiện, bà Danh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1;

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01-6-2014 cho bà Danh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng cho con. Đối với 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 05-8-2007 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01-6-2002, đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Danh Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung; về tài sản chung, nợ chung ông cũng thống nhất là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là cãi vả nhau, nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì ông còn thương vợ con, không muốn ly hôn. Ông mong muốn hàn gắn, đi làm cùng nhau chăm sóc gia đình, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Tuy nhiên, trường hợp Tòa án có giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông đồng ý giao con chung là Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01-6-2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng cho con mà đi làm có tiền ông sẽ cho con bên ngoài. Đối với 02 con chung tên Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01-6-2002 và Nguyễn Thị H3, sinh ngày 05-8-2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và phát biểu tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại xã V, thành phố Cần Thơ; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Danh Thị H5, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lâm Thị Hằng N1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân, bà Danh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Mặc dù chưa có bản án, quyết định cho ly hôn nhưng cả hai thừa nhận đã không còn sống chung (ly thân) từ tháng 3 năm 2025 đến nay, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H1 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và mong muốn hàn gắn, nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Danh Thị H vẫn cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà Danh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có 03 con chung; trong đó có 01 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01-6-2014. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông Nguyễn Văn H1 vẫn đồng ý giao con cho bà Danh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H4 cũng trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Sự tự định đoạt của vợ chồng và con chưa thành niên như trên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và đúng với quy định của pháp luật tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị H4 cho bà Danh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với 02 con chung còn lại là Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H3 đã thành niên, đương sự trong vụ án không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01-6-2014 cho bà Danh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Danh Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005007 ngày 10-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Lợi;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm